

**DANH SÁCH PHÊ DUYỆT ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ THÂN NHÂN LIỆT SĨ
CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN ĐỂ LÃNH ĐẠO PHƯỜNG ĐI THĂM
NHÂN KỶ NIỆM 79 NĂM NGÀY THƯƠNG BINH – LIỆT SĨ(27/7/1947 – 27/7/2026)
(Kèm theo Quyết định số /UBND ngày 7/2026 của UBND phường Cẩm Thành)**

STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Tổ	Đối tượng	Số hồ sơ	Số tiền	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Cang	1945	239 Bích Khê	1	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	136	1.000.000	Già yếu
2	Nguyễn Hữu Thạnh	1958	204 Bích Khê	1	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	114423	1.000.000	Đau ốm thường xuyên
3	Nguyễn Tấn Thái	1940	đường Vạn Tường	2	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	27454	1.000.000	Gia đình khó khăn
4	Hồ Chí Giao	1948	19 Nguyễn Du	2	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	112934	1.000.000	Gia đình khó khăn
5	Phạm Thị Kim Nguyên	1954	133 Lê Trung Đình	3	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	112620	1.000.000	Già yếu, ốm đau
6	Trương Thị Nga	1950	71/3 Võ Tùng	3	Bệnh binh 81 trở lên có vết thương ĐBN	27375N/BQ	1.000.000	Già yếu, ốm đau
7	Phạm Văn Phúc		Hẻm 39/27 Lê Ngung	4	Thờ cúng liệt sĩ	33855	1.000.000	Khó khăn
8	Võ Khắc Quy	1952	35 Ngô Quyền	4	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	67779	1.000.000	Mới mổ não ở TP.HCM về
9	Nguyễn Tấn Lộ	1946	101 Nguyễn Tự Tân	5	Thương binh suy giảm KNLD từ 61-80%	205419	1.000.000	Già yếu khó khăn

10	Trương Thị Lan	1951	57 Ngô Quyền	6	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	65203	1.000.000	Già yếu khó khăn
11	Bùi Thị Thu	1934	228 Lê Trung Đình	6	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	120364	1.000.000	Già yếu khó khăn
12	Huỳnh Văn Phúc	1952	63/17 Trần Hưng Đạo	7	CĐHH trên 81%	76074	1.000.000	Bị ung thư
13	Đoàn Thị Thanh Vân	1950	Hẻm 73, Trần Hưng Đạo	7	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	62573	1.000.000	Già yếu khó khăn
14	Nguyễn Tấn Quang	1942	59 Hùng Vương	7	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	1171	1.000.000	Hiện đang bị bệnh về máu
15	Đỗ Minh Cảnh	1928	77 Hà Huy Tập	8	Thân nhân liệt sĩ hưởng trợ cấp tuất hàng tháng	57968	1.000.000	Già yếu, Đau ốm thường xuyên
16	Đinh Hồng Khanh	1947	519/24/14 Quang Trung	8	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	112560	1.000.000	Già yếu, Đau ốm thường xuyên
17	Lê Ngọc Thạch	1955	98 Phạm Văn Đồng	8	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	114283	1.000.000	Già yếu, Đau ốm thường xuyên
18	Trần Thị Bê	1950	48 Trần Hưng Đạo	9	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	62640	1.000.000	Hoàn cảnh khó khăn
19	Nguyễn Thị Kim Liên	1950	33/46 Lê Lợi	9	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	98324	1.000.000	Hoàn cảnh khó khăn
20	Phùng Thị Chín	1954	Hẻm 160/17/2/2 Trần Hưng Đạo	10	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	11761	1.000.000	Kinh tế khó khăn
21	Phạm Thị Long	1940	276/4 Phan Đình Phùng	10	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	122836	1.000.000	Kinh tế khó khăn
22	Từ Kim Dũng	1953	160/12 Trần Hưng Đạo	10	Người thờ cúng liệt sĩ	NB/LS 57267	1.000.000	Kinh tế khó khăn
23	Trần Trí	1937	Tổ 11	11	Có công cách mạng	5623	1.000.000	Gia đình khó khăn

24	Võ Đình Ngân		Tổ 11	11	Người thờ cúng liệt sĩ	55513	1.000.000	Gia đình khó khăn
25	Lê Văn Thành	1950	891 Quang Trung	12	Thương binh suy giảm KNLD từ 61-80%	11046	1.000.000	Gia đình khó khăn
26	Huỳnh Thị Minh Hiền	1945	20 Nguyễn Thiếp	12	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	52919	1.000.000	Già yếu, neo đơn
27	Phạm Ngọc Cầu	1948	Hẻm 373/19 Phan Đình Phùng	13	Thương binh suy giảm KNLD từ 61-80%, TCLS	44188	1.000.000	Già yếu, thường xuyên đau ốm
28	Lâm Xuân Lộc	1953	900/19 Quang Trung	13	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	112919	1.000.000	thường xuyên ốm đau
29	Lữ Thị Huân	1945	968/44 Quang Trung	14	TB suy giảm KNLD từ 21-60%	131346	1.000.000	Gia đình khó khăn
30	Hoàng Thị Long		968/35 Quang Trung	14	Thờ cúng 2 liệt sĩ	NB/LS 6273; 45650	1.000.000	Gia đình khó khăn
31	Đỗ Quang Hiên	1960	980/2/6 Quang Trung	14	TB suy giảm KNLD từ 21-60%; Thờ cúng 02 liệt sĩ	12255	1.000.000	Gia đình khó khăn
	Tổng cộng						31.000.000	